

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI TECHLONOGY INVESTMENT AND CONSTRUCTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HANOICONS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108592538

3. Ngày thành lập: 18/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 12, Ngõ 71, Đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0353897769

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại – Bán buôn hóa chất	4669
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
4.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực – Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng – Kiểm định chất lượng công trình xây dựng	7120
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
6.	Phá dỡ	4311
7.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
8.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
12.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về môi trường – Tư vấn lập báo cáo môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường – Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490

13.	Cho thuê xe có động cơ	7710
14.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Kiểm định xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình Thi công xây dựng công trình Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng..	7110

	Tư vấn đầu thầu; Tư vấn giám sát	
15.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
16.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
17.	Tái chế phế liệu	3830
18.	Xây dựng nhà ở	4101(Chính)
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
20.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
21.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
22.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
23.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
25.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
26.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
27.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
42.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
43.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

44.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
45.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
46.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
49.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
50.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
51.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
54.	Xây dựng nhà không để ở	4102
55.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
56.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và nội thất tương tự; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4649
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng – Bán buôn máy (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện)	4659
61.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
62.	Bốc xếp hàng hóa	5224
63.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi Vận tải hành khách bằng xe máy Vận tải hành khách bằng xe đạp	4931

68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY QUẢNG	Số nhà 57 Ngách 191/29, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	516.000	5.160.000.000	86,000	0300750029 50	
			Tổng số	516.000	5.160.000.000	86,000		
2	CHU THỊ NGỌ	Số nhà 57 Ngách 191/29, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	42.000	420.000.000	7,000	0331500004 95	
			Tổng số	42.000	420.000.000	7,000		
3	NGUYỄN DUY DŨNG	Số 57, ngách 191/29, tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	42.000	420.000.000	7,000	0300820011 08	
			Tổng số	42.000	420.000.000	7,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DUY QUẢNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 11/08/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030075002950

Ngày cấp: 05/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 57 Ngách 191/29, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 57 Ngách 191/29, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội